**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 2**

**(Từ ngày 28/8 đến 1/9)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/ngày** | **Tiết** | **Môn** | **PPCT** | **Tên bài dạy** | **ĐDDH** |
| Hai  28/8 | 1  2  3  4  5 | Chào cờ  Học vần  Học vần  Đạo đức  Ôn luyện | 2  11  12  2  5 | Dấu hỏi, dấu nặng  Dấu hỏi, dấu nặng  Em là học sinh lớp 1 – Tiết 2 **(KNS** | Dụng cụ học tập môn Tiếng Việt  Tranh |
|  | |  | | |  |
| Ba  29/8 | 1  2  3  4  5 | Thể dục  Toán  Học vần  Học vần  Ôn luyện | 2  5  13  14  6 | Luyện tập  Dấu huyền, dấu ngã  Dấu huyền, dấu ngã | Bộ Toán TH, SGK, và bút  Một số vật thật: thước,. |
|  | |  | | |  |
| Tư  30/8 | 1  2  3  4  5 | Hát  Toán  Học vần  Học vần  Ôn luyện | 2  6  15  16  7 | Các số: 1, 2 ,3  Ôn tập  Ôn tập | 4 cái ly - 5 cái chai, …  chữ mẫu, 1 sợi dây  Các loại giấy màu, giấy bìa, kéo, hồ dán, thước, vở thủ công |
|  | |  | | |  |
| Năm  31/8 | 1  2  3  4  5 | Toán  Học vần  Học vần  TN&XH  Ôn luyện | 7  17  18  2  8 | Luyện tập  ê, v  ê, v  Chúng ta đang lớn **(KNS)** | Hình vuông, hình tròn  Chữ mẫu, 1 sợi dây 1 quả bóng |
|  | |  | | |  |
| Sáu  1/9 | 1  2  3  4  5 | Mĩ thuật  Toán  Học vần  Học vần  HĐTT | 2  8  19  20  2 | Các số: 1, 2, 3, 4, 5  T1: Các nét cô bản  T2: Các nét cô bản  SH cuối tuần – HĐ ngoại khóa | Vật hình tam gáic  Các vật giống hình dấu sắc |

**Thứ hai, ngày 28 tháng 8 năm 2017**

**Học vần**

**DẤU HỎI, DẤU NẶNG**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh nhận biết được các dấu hỏi thanh hỏi, dấu nặng, thanh nặng. Đọc được tiếng bẻ, bẹ. Trả lời 2-3 câu hỏi đơn giản về các tranh trong sách. Luyện nói 1 câu xoay quanh chủ đề học tập qua các bức tranh trong SGK.

- Phát huy tính tích cực của HS, rèn đọc tốt cho học sinh.

- Yêu thích ngôn ngữ Tiếng Việt, qua các hoạt động học

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Chữ mẫu có dấu thanh hỏi, nặng, các vật tựa hình dấu hỏi, nặng. Tranh minh hoạ SGK.

- Học sinh: Sách giáo khoa – Bộ thực hành – Bảng

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  - Viết dấu sắc, viết tiếng bé.  - Đọc tiếng: bé  - Chỉ dấu sắc trong các tiếng: vó, lá tre, vé, bói cá, cá mè.   * Gv nhận xét, tuyên dương.   **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  - Treo tranh.  - Tranh này vẽ ai? Vẽ gì?  - Viết bảng nội dung tranh.  - Nêu nhận xét điểm giống nhau giữa các tiếng  - Giới thiệu dấu hỏi và phát âm.  \* Tương tự cho dấu nặng (như dấu hỏi).  - Ghi tựa bài: Dấu hỏi, dấu nặng  Đọc mẫu: dấu hỏi, dấu nặng   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Nhận diện dấu thanh ? thanh •**  - Đưa dấu hỏi và nói: Đây là dấu hỏi. Dấu hỏi là một nét móc.  - Dấu hỏi giống hình gì?  - Đưa vật mẫu.  - Đưa dấu nặng và hỏi: Đây là dấu gì?  - Dấu nặng giống hình gì?  - Đưa vật mẫu.   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Đánh vần – Đọc trơn**  \* Có dấu hỏi, có tiếng be, muốn có tiếng bẻ ta làm sao?   * Nhận xét * Tiếng bẻ có mấy âm? * Đánh vần: bờ \_ e \_ be\_hỏi \_ bẻ * Đọc trơn: bẻ * Sửa lỗi phát âm   \* Có tiếng be, có dấu nặng muốn có tiếng bẹ ta làm sao?  - Tiếng bẹ có mấy âm?   * Đánh vần: b \_ e \_ be\_ nặng \_ bẹ * Đọc trơn: bẹ * Sửa lỗi phát âm * Hướng dẫn học sinh nhận biết vị trí các dấu thanh khi đặt vào chữ   + Thanh hỏi được đặt như thế nào trong tiếng bẻ?  + Thanh nặng được đặt như thế nào trong tiếng bẹ?  - Trong các dấu thanh chỉ có dấu nặng là đặt dưới âm e.  - Yêu cầu: Học sinh thao tác ghép tiếng bẻ, bẹ trong bộ thực hành  - Yêu cầu: Học sinh tìm tiếng có dấu hỏi và dấu nặng   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Luyện viết dấu hỏi, dấu nặng, tiếng bẻ, bẹ**   * Viết mẫu dấu hỏi * Hướng dẫn qui trình viết * Đặt bút dưới đường kẻ thứ 4 viết nét móc nằm trong dòng li thứ 3 * Viết mẫu dấu nặng * Hướng dẫn qui trình viết chấm một chấm dưới đường kẻ thứ nhất. * Viết mẫu tiếng bẻ. * Hướng dẫn qui trình viết   Viết tiếng be, rê bút viết dấu hỏi đặt trên âm e   * Viết mẫu tiếng bẹ * Hướng dẫn qui trình viết   Viết tiếng bẹ, rê bút viết dấu nặng đặt dưới âm e chữ e.   * Nhận xét và sửa lỗi cho học sinh * **HOẠT ĐỘNG 4**   - Đọc lại các tiếng có dấu thanh hỏi, dấu nặng.  - Thi đua tìm tiếng có dấu hỏi, dấu nặng  - Thi đua ghép dấu thành tiếng.  - Nhận xét – tuyên dương.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Chuẩn bị bài tiết 2  **Tiết 2**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Luyện đọc**  - Hướng dẫn học xem tranh  - Nêu tên các hình vẽ? (gợi ý cấu hỏi để học sinh nêu đúng ý chỉ sự vật trong tranh)  - Đọc mẫu   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Luyện tô**  - Gắn chữ mẫu  - Hướng dẫn qui trình tô.  (Tương tự tiết 1)  - Nhận xét bài tô   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Luyện nói chủ đề bẻ**  - Treo tranh.  - Tranh này vẽ ai? Vẽ gì?  - Viết bảng nội dung tranh:  + Tranh 1: **bẻ cổ áo**  + Tranh 2: **bẻ bắp (ngô)**  + Tranh 3: **bẻ bánh**  - Nêu nhận xét việc làm của 3 bức tranh là gì?  - Điểm giống nhau giữa các tiếng chỉ nội dung các bức tranh là gì?  - Trong các bức tranh em thích nhất tranh nào? Vì sao?  - Giải nghĩa tiếng bẻ. Giáo dục ý nghĩa cho HS hiểu.  - Nêu cấu tạo tiếng bẻ?  - Bảng cài  - Đọc: **bờ-e-be-hỏi-bẻ: bẻ**.  - Sửa lỗi phát âm cho hs.  **4. Củng cố - Dặn dò**  - Chỉ bảng cho HS đọc toàn bài  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Chuẩn bị bài dấu huyền, dấu ngã. | - Hát  - Lớp viết bảng.  - 4,5 em đọc: bé  - Hs chỉ bảng.  - Bạn nhận xét  - Quan sát. Thảo luận nhóm  - Vẽ: giỏ, khỉ, thỏ, hổ, mỏ.  - Nhắc lại  - Giống: Các tiếng đều có dấu hỏi  - Phát âm theo: Dấu hỏi  - Nhắc tựa bài  - Quan sát.  - Trả lời. Giống móc câu  - Quan sát  - Dấu nặng  - Một nét chấm, hòn bi….  - Quan sát  - Có tiếng be và dấu hỏi, muốn có tiếng bẻ, em đặt dấu hỏi trên âm e  - HS phân tích  - Đọc cá nhân 🡪 đồng thanh  … Đặt dấu nặng dưới âm e  - HS phân tích  - Cá nhân, đồng thanh  - Đặt trên âm e  - Đặt dưới âm e  - Thực hiện ghép tiếng bẻ, bẹ và đọc.  - Thảo luận đôi bạn tìm các tiếng có dấu hỏi, dấu nặng  - Thao tác viết  - Bảng con  - Rèn viết đúng đắn theo vị trí cô hướng dẫn.  - Thực hiện viết bảng con chữ  - Viết bảng con.  - Đọc: cá nhân, tổ, lơp.  - Hs thi đua theo đại diện tổ  -2 Hs ghép tiếng  - Khỉ, mỏ, giỏ, cụ, cọ, đậu  - Đọc cá nhân, đồng thanh  - Quan sát.  - Quan sát – TLN đôi  - Tranh 1: vẽ Mẹ đang bẻ cổ áo cho em.  - Tranh 2: Bác nông dân đang bẻ ngô.  - Tranh 3: Các bạn đang bẻ bánh ăn.  - Chỉ động tác: bẻ.  - Đều có tiếng : bẻ  - Trả lời.  - Thực hành thao tác bẻ.  - Âm b đứng trước, âm e đứng sau, dấu hỏi trên đầu âm e.  - Cài tiếng: **bẻ**  - Đọc cá nhân, tổ, lớp.  - Đọc – đánh vần: cá nhân, tổ, lớp… |

**Đạo đức**

**EM LÀ HỌC SINH LỚP 1 (KNS)**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh biết được trẻ em 6 tuổi được đi học. Biết tên trường, tên lớp, tên thầy, cô giáo, một số bạn bè trong lớp.

- Biết về quyền và bổn phận của trẻ em là được đi học và phải học tập tốt.

**\* KNS: Có kỹ năng tự giới thiệu về bản thân, thể hiện sự tự tin trước đông người, lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ ý tưởng về ngày đầu tiên đi học về trường lớp thầy cô giáo và bạn bè.**

- Vui vẻ, phấn khởi, tự học được là học sinh lớp 1. Yêu quý thầy cô bạn bè.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Đọc, tìm hiểu điều 7, 28 Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

- Học sinh: Ôn các bài hát: “Đi học”, “Em yêu trường em”, “Cả nhà thương nhau”.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. **Ổn định** 2. **Kiểm tra bài cũ**   - Nêu tên mình và kể về gia đình mình gồm có những ai?  - Em là học sinh lớp mấy học trường nào? Cô giáo em tên gì?  - Trẻ em được hưởng những quyền gì?  - Nhận xét  **3. Bài mới**  **c. Thực hành**   * **Hoạt động 1**   **Kể về trường, lớp em**  Mục tiêu: HS biết tên trường tên lớp, biết trẻ em có quyền được đi học. Có kỹ năng trình bày suy nghĩ về trường lớp.  Cách tiến hành:   * GV yêu cầu kể chuyện qua nội dung tranh bài 4. * Cử đại diện bạn trong nhóm kể cho cả lớp nghe * Tranh 1,2 : Nhóm 1 * Tranh 3 : Nhóm 2 * Tranh 4 : Nhóm 3 * Tranh 5 : Nhóm 4   - Nội dung từng tranh  \*Tranh 1: Đây là bạn Mai, Mai năm nay 6 tuổi, năm nay Mai vào lớp 1. Cả nhà vui vẻ chuẩn bị cho Mai đi học  \*Tranh 2 :  Mẹ đưa Mai đến trường. Trường thật đẹp có cô giáo tươi cười đón em và các bạn vào lớp  \*Tranh 3: Mai được Cô giáo dạy bảo nhiều điều mới lạ. Rồi đây em sẽ biết đọc, biết viết, làm Toán ….tự đọc truyện cho bố, ông bà nghe ….  Mai cố gắng học thật giỏi ,thật ngoan …  \*Tranh 4 : Mai có thêm bạn mới, cả bạn trai lẫn bạn gái, giờ ra chơi em cùng các bạn chơi đùa ở sân trường thật là vui …  Cảnh vui chơi trên sân trường  \*Tranh 5: Về nhà, Mai kể lại cho bố mẹ nghe về trường lớp mới, về cô giáo và các bạn của em. Cả nhà vui: Mai đã là học sinh lớp Một rồi.  - Các em hãy kể những điều mà em thường nói cho ba mẹ nghe khi ở nhà?  **Kết luận**: Được đi học là quyền lợi của HS. Đến trường các em được học tập và vui chơi, học được nhiều điều mới lạ. Các em có thầy cô giáo mới, bạn bè mới. Các em cần cố gắng học giỏi và chăm ngoan.   * **Hoạt động 2**   **Hát theo chủ đề trường em**  - Tập cho học sinh hát múa bài các em đã được làm quen ở mẫu giáo.  - Qua bài học các em biết được trẻ em có quyền gì?  - Em cảm thấy như thế nào khi trở thành học sinh lớp một.  -*Các em sẽ làm gì để trở thành con ngoan, trò giỏi?*  **d. Vận dụng**  - Các em về nhà giới thiệu cho cha mẹ và những người thân biết về trường lớp bạn bè và thầy cô giáo của mình | - Hát  - Gia đình em có: ba ,mẹ , anh và em  - Em học lớp 1 ,trường …  - Trẻ em có quyền có họ tên, quyền đi học  - Đếm số từ 1 đến 5 di chuyển theo nhóm ngẫu nhiên.  - Đại diện nhóm kể  - Lắng nghe  - Hs kể.  - HS cùng nhau hát  - Có quyền được đi học  - Có cô giáo mới, bạn mới ….Vui sướng  - Cố gắng học thật giỏi, vâng lời cha mẹ…  - HS lắng nghe |

**Kỹ năng sống**

**Bài 1: NỀ NẾP HỌC TẬP Ở TRƯỜNG**

**Tiết 2**

**I/ MỤC TIÊU:**

* Biết tự rèn luyện những thói quen tốt trong học tập.
* Biết tự chuẩn bị dồ dùng trước khi đi học, giữ gìn sạch sẽ sách vở, dụng cụ học tập và bàn ghế, có tư thế ngồi đúng.
* Tự ý thức về nề nếp học tập của mình.

**II/ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

* Tranh TH kỹ năng sống Lớp 1, SGK, bút chì, bút màu sáp…

**III/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. KTBC**  Nêu những thói quen tốt mà em đã học?  **3. Bài mới**  **b. Kết nối**   * **Hoạt động 3: Bài học**  1. **Rèn luyện thói quen tốt**  * Yêu cầu hs quan sát tranh * Gv hướng dẫn nội dung từng tranh * Yêu cầu hs thực hiện.   + Giữ mép vở luôn thẳng.  + Tư thế ngồi học đúng.  + Tự mặc quần áo trước khi đi học.  +Chuẩn bị trước sách vở, dụng cụ học tâp.  + Góc học tập gọn gàng.  + Đặt báo thức buổi sáng, báo giờ học buổi tối.   * Gv giáo dục hs tự rèn luyện thói quen tốt. * Nhắc nhở hs thực hiện ở lớp, ở trường và ở nhà.  1. **Tránh những thói quen không tốt**  * Yêu cầu hs quan sát tranh, nêu nội dung từng tranh. * Yêu cầu Hs làm việc nhóm đôi. * Yêu cầu hs trình bày. * Gv nêu nội dung từng tranh:   + Ngủ trong giờ học.  + Vẽ bẩn lên tường.  + Để đồ dùng học tập không ngăn nắp.   * Gv giáo dục hs không nên có những thói quen không tốt.   **c/ Thực hành:**   * **Hoạt động 4: Đánh giá, nhận xét**  1. **Em tự đánh giá**   - Gv hướng dẫn hs quan sát nội dung SGK và thực hiện theo yêu cầu.  - GV hướng dẫn hs tô màu vào mặt cười: tốt 5 mặt cười, chưa tốt 3 mặt cười.  **2. Giáo viên, phụ huynh nhận xét**  **-** Gv nhận xét.  **d. Vận dụng**  - GV hỏi lại bài.  Về nhà:  - Tự rèn luyện những thói quen tốt.  - Chuẩn bị bài sau: “ Vệ sinh hằng ngày” | - Hát  - HS trả lời  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe.  - Hs thực hiện  - Hs lắng nghe.  - Hs ghi nhớ thực hiện.  - HS thực hiện.  - Hs làm việc, nêu lại nội dung từng tranh  - Các nhóm trình bày.  - HS lắng nghe.   * Hs quan sát * Hs thực hiện * Hs trả lời. |

**Thứ ba, ngày 29 tháng 8 năm 2017**

**Toán**

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

- Củng cố hiểu biết về hình vuông, hình tam giác, hình tròn.

- Nhận biết được hình vuông, hình tam giác, hình tròn qua ghép tạo hình.

- Tích cực tham gia các hoạt động học. Thích thú say mê ghép tạo hình, tô màu.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Một số hình tròn, hình vuông, hình tam giác bằng bìa (hoặc gỗ, nhựa…). Que diêm (hoặc que tính…). Một số đồ vật có mặt là hình vuông, hình tròn, hình tam giác.

**-** Học sinh: Các mẫu hình trong bộ thực hành.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  - Kiểm tra bài hình vuông, hình tròn, hình tam giác:  - Tô màu cho hình vuông?  - Tô màu cho hình tròn?  - Tô màu cho hình tam giác?  - Nhận xét  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  Tiết học hôm nay ta sẽ học đó là tiết luyện tập  Ghi tựa: **Luyện tập**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   ***Tô màu các dạng hình***  - Đọc yêu cầu bài số 1.  - Khuyến khích cho HS dùng các bút chì màu khác nhau để tô màu.   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Thực hành ghép hình**  - Dùng 1 hình vuông và 2 hình tam giác để ghép thành hình mới.  - GV lần lượt hướng dẫn HS ghép hình theo SGK  - Khuyến khích HS dùng các hình vuông và hình tam giác đã cho để ghép thành 1 số hình khác.  - Cho HS thi đua ghép hình. Em nào đúng, nhanh sẽ được các bạn vỗ tay hoan nghênh.  **4. Củng cố - Dặn dò**  Thực hành xếp hình  - Cho HS tiến hành xếp hình  - Nhắc HS hình vuông và hình tròn tô màu khác nhau.  **\*Trò chơi**  - GV nêu yêu cầu trò chơi  - Em nào nêu được nhiều vật nhất và đúng sẽ được khen thưởng.  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị xem bài số 1, 2, 3 | - Hát  - Làm bảng lớp.  - Tô vào phiếu  Thực hiện trong sách, bài 1  - Tiến hành tô màu theo hướng dẫn của GV  + Các hình vuông: tô cùng một màu.  + Các hình tròn tô cùng một màu  + Các hình tam giác: tô cùng một màu  - Thực hành theo hướng dẫn  - Dùng các hình vuông và hình tam giác để ghép thành hình a, b, c.  - Lần lượt thi đua ghép.  - Thực hành xếp hình vuông, hình tam giác.  - Kể các đồ vật có hình vuông, tròn, tam giác có trong phòng học, ở nhà, …  - Chuẩn bị: Sách toán 1, bộ đồ dùng học toán. |

**Học vần**

**DẤU HUYỀN, DẤU NGÃ**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh nhận biết đuợc dầu huyền huyền và thanh huyền, dấu ngã và thanh ngã. Đọc được: bè, bẽ. Trả lời 2 - 3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh trong sách. HS luyện nói 1 câu theo chủ đề “bè”bức tranh trong SGK.

- Phát huy tính tích cực của HS, rèn cách đọc đúng.

- Yêu thích ngôn ngữ Tiếng Việt qua các hoạt động học.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Chữ mẫu có dấu thanh huyền, thanh ngã, các vật tựa hình dấu huyền, dấu ngã.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bộ thực hành, bảng

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  2**. Kiểm tra bài cũ**  - Đọc lại các tiếng có dấu thanh hỏi, nặng, bẻ, bẹ  - Viết dấu hỏi, dấu nặng, tiếng bẻ, bẹ, bé.  - Nhận xét  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  - Treo tranh.  - Tranh này vẽ ai? Vẽ gì?  - Viết bảng nội dung tranh.  **dừa, cò, mèo, gà**  - Nêu nhận xét điểm giống nhau giữa các tiếng?  - Ghi dấu huyền lên bảng: “ **\”**  - Giới thiệu dấu huyền và phát âm.  \* Tương tự cho dấu ngã “**~**” (như dấu huyền).  - Ghi tựa bài: Dấu huyền, dấu ngã   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Dạy dấu thanh**  Nhận diện dấu  - Đưa dấu huyền và nói: Đây là dấu huyền. Dấu huyền là một nét xiên trái  - Dấu huyền giống hình gì?  - Đưa vật mẫu.  - Tìm dấu huyền trong bảng cài?  - Đưa dấu ngã và hỏi: Đây là dấu gì?  - Dấu ngã giống hình gì?  - Đưa vật mẫu.  - Tìm dấu ngã trong bảng cài?  - Đọc: dấu huyền, dấu ngã | - Lớp hát  - 4, 5 em đọc.  - Viết bảng con.  - Quan sát  - Vẽ: dừa, cò, mèo, gà  - Cùng có dấu huyền  - Nhắc lại: dấu huyền.  - Nhắc lại: dấu huyền, dấu ngã  - Nhắc lại.  - Hình thước để xiên.  - Hs quan sát  - Cài bảng  - Đọc: cá nhân, tổ  - Dấu ngã.  - Giống hình sóng biển….  - Hs quan sát  - Cài bảng  - Hs đọc |
| * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Ghép chữ và phát âm**  **Ghi dấu huyền, dấu ngã vào ô 2, ô 3**  Đọc mẫu: dấu huyền **\** , dấu **~**  Viết chữ be vào ô 4  - Cô viết chữ gì?  - Có chữ be, muốn có bè ta làm sao?  - Nhận xét  - Yêu cầu học sinh luyện phát âm, chú ý sửa sai  - Có chữ be, muốn có chữ bẽ ta làm sao?  - Yêu cầu học sinh luyện âm tiếng bẽ. Chú ý sửa lỗi phát âm cho học sinh  - Hướng dẫn học sinh cách phân biệt khi đọc dấu trong tiếng bẻ, bẽ.  - Yêu cầu học sinh tìm trong bộ thực hành luyện ghép tiếng bè, bẽ.  - Thảo luận: Tìm các tiếng có dấu **\ ~**  - Nhận xét   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Luyện viết bảng con**  - Viết mẫu dấu \  - Hướng dẫn qui trình viết: Đặt bút dưới đường kẻ 4 viết nét xiên trái ta có dấu huyền nằm trong ô li thứ 3. Viết mẫu dấu ~  - Hướng dẫn qui trình: Đặt bút dưới đường kẻ 4 viết cong lượn ta có dấu ngã nằm trong ô li thứ 3.  - Nhận xét.  - Viết mẫu tiếng bè, bẽ  Hướng dẫn qui trình viết (bè giống chữ bẽ khác dấu)  - Nhận xét  **Tiết 2**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Luyện đọc**   * Tranh vẽ quả gì? * Tranh vẽ con gì? * Bé đang làm gì trong tranh? * Khúc gỗ: Là 1 đoạn cây hoặc một khúc cây to người ta gọi là khúc gỗ. * Tên chỉ các em vừa nêu có tiếng dấu gì? * Đọc mẫu   +Dấu huyền, dấu hỏi.  +Tên chỉ sự vật trong tranh.  +Tiếng từ ứng dụng.  -Sửa lỗi phát âm   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Luyện tô**  Gắn mẫu, hướng dẫn qui trình tô   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Luyện nói theo chủ đề “bè”.**  - Treo tranh: tranh vẽ gì?  - Bè đi trên cạn hay dưới nước?  - Thuyền khác bè như thế nào?  - Bè dùng để làm gì? Chở gì?  - Cho HS đọc – đánh vần: bè  - Tìm từ mang tiếng bè?  - Nhận xét – tuyên dương.  **4. Củng cố - Dặn dò**  - Chỉ bảng cho Hs đọc toàn bài.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Chuẩn bị bài: Ôn tập | - Cá nhân – đồng thanh  - Chữ be  - Đặt thanh huyền trên con chữ e  - Lên bảng thực hiện viết vào ô 5 và phát âm b \_ e \_ \ \_ bè  - Đặt thêm thanh ngã trên con chữ e.  - Lên bảng thực hiện vào ô 6 và phát âm chữ b \_ e \_ ~ \_ bẽ  - Luyện đọc cá nhân, đồng thanh  - Ghép âm, dấu thanh tạo tiếng  - Kết nhóm bạn học tập. Nêu các tiếng có dấu \ ~  - Thực hiện viết bảng con qua thao tác hướng dẫn.    **~**  - Thực hiện viết bảng con chữ   1. Quả dừa 2. Con cò 3. Tập vẽ   - Dấu huyền, dấu ngã  - Luyện đọc cá nhân, đồng thanh  - Quan sát mẫu luyện tô, luyện tô chữ đúng theo qui trình cô hướng dẫn.  - Vẽ bè đang trôi trên sông.  - Dưới nước.  - Bè làm bằng tre nứa thả trôi trên sông, hồ.  - Chở tre nứa từ vùng này qua vùng khác.  - Đọc – đánh vần: cá nhân, tổ, lớp  - TLÊN theo tổ – tìm – đại diện nhóm, tổ trả lời kết quả TLÊN: Bè phái, kéo bè, bè bạn …….  - Nhận xét  - Hs đọc bài. |

**Thủ công**

**XÉ, DÁN HÌNH CHỮ NHẬT**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh biết cách xé dán hình chữ nhật.

- HS xé, dán được chữ nhật. Đường xé có thể chưa thẳng, bị răng cưa. Hình dán có thể chưa phẳng. HS khéo tay có thể xé được hình chữ nhật có kích thước khác.

- HS biết giữ vệ sinh lớp học khi thực hành sản phẩm. Kích thích sự say mê và khéo tay khi học phân môn.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Bài mẫu về xé, dán hình chữ nhật. Hai tờ giấy màu khác nhau. Giấy trắng làm nền. Hồ dán, khăn lau tay.

- Học sinh: Giấy thủ công màu. Giấy nháp có kẻ ô. Hồ dán, bút chì.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY V HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  - Kiểm tra dụng cụ thủ công của HS.  - Nhận xét.  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  - Cho xem bài mẫu, hỏi:  + Những đồ vật nào có dạng hình chữ nhật?  - Xung quanh ta có nhiều đồ vật dạng hình chữ nhật, em hãy ghi nhớ những đặc điểm của hình đó để tập xé, dán cho đúng.  - Bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu bài: **Xé dán hình chữ nhật.**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Xé dán hình chữ nhật**  - Lấy 1 tờ giấy thủ công màu sẫm, lật mặt sau đếm ô, đánh dấu và vẽ 1 hình chữ nhật có cạnh dài 8 ô, cạnh 6 ô.  - Làm thao tác xé từng cạnh hình chữ nhật: tay trái giữ chặt tờ giấy (sát cạnh hình chữ nhật), tay phải dùng ngón cái và ngón trỏ để xé giấy dọc theo cạnh hình, lần lượt các thao tác như vậy để xé các cạnh.  - Sau khi xé xong lật mặt có màu để HS quan sát hình chữ nhật.  - Nếu còn nhiều HS chưa nắm được thao tác đếm ô và vẽ hình GV có thể làm lại.  \*Dán hình  Sau khi đã xé dán xong được hình chữ nhật. GV hướng dẫn dán:  - Lấy 1 ít hồ dán, dùng ngón tay trỏ di đều, sau bôi lên các góc hình và di dọc theo các cạnh.  \* Để hình khi dán không nhăn, thì sau khi dán xong nên dùng 1 tờ giấy đặt lên trên và miết tay cho phẳng.  - Đặt hình vào các vị trí cho cân đối trước khi dán.   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Thực hành**  - Thực hiện vẽ các bước vẽ 1 hình chữ nhật và tam giác.  - Nhắc HS vẽ cẩn thận  - Yêu cầu HS kiểm tra lại hình.  - Xé 1 cạnh của hình chữ nhật.  - Nhắc HS cố gắng xé đều tay, xé thẳng, tránh xé vội, xé không đều, còn nhiều vết răng cưa.  - Nhắc HS kiểm tra lại sản phẩm.  - Trình bày sản phẩm.  **4.Củng cố - Dặn dò**  - Nhận xét tiết học: Nhận xét tình hình học tập và sự chuẩn bị giấy pháp có kẻ ô, giấy màu, bút chì …  - Đánh giá sản phẩm:  + Các đường xé Tương đối thẳng, đều, ít răng cưa.  + Hình xé cân đối, gần giống mẫu.  + Dán đều, không nhăn.  - Chuẩn bị bài: “Xé, dán hình tam giác”. | **-** Hát  - Để dụng cụ lên bàn  + Quan sát những đồ vật xung quanh.  - Nhắc lại  - Lấy giấy nháp có kẻ ô tập đếm ô, vẽ và xé hình chữ nhật.  - Quan sát      - Quan sát  - HS thực hành  - Đặt tờ giấy màu lên bàn (lật mặt sau có kẻ ô), đếm ô và vẽ hình chữ nhật.  - Kiểm tra lẫn nhau.  - Thực hiện theo, và tự xé các cạnh còn lại.  - Thực hiện chậm rãi.  - Kiểm tra, nếu hình chưa cân đối thì sửa lại cho hoàn chỉnh.  - Dán sản phẩm và vở.  - Chuẩn bị giấy trắng, giấy màu có kẻ ô, bút chì, hồ để học bài. |

**Thứ tư, ngày 30 tháng 8 năm 2017**

**Toán**

**CÁC SỐ: 1, 2, 3**

**I. MỤC TIÊU**

**-** Có khái niệm ban đầu về số 1, 2, 3 được biểu thị qua nhóm mẫu vật có cùng số lượng.

**-** Biết đọc, viết các số 1, 2, 3 biết đếm xuôi ngược theo thứ tự dãy số. Nhận biết số lượng các nhóm mẫu vật có cùng số lượng

**-** Tích cực trong các hoạt động học.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Các nhóm có 1, 2, 3 đồ vật cùng loại; chẳng hạn 3 búp bê, 3 bông hoa, 3 hình vuông, 3 hình tròn, 3 tờ bìa, trên mỗi tờ bìa đã viết sẵn một trong các số 1, 2, 3

- 3 tờ bìa, trên mỗi tờ bìa đã vẽ sẵn 1 chấm tròn, 2 chấm ttròn, 3 chấm tròn.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bộ thực hành

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  - Kiểm tra bài hình vuông, hình tròn, tam giác.  - Tô màu cho hình vuông?  - Tô màu cho hình tròn?  - Tô màu hình tam giác?  - Nhận xét  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  Ghi tựa: Các số 1, 2, 3   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Giới thiệu số**  **\* Số 1**: Theo các bước  + Bước 1: Treo lần lượt từng tranh (1 con chim, 1 bạn gái, 1 chấm tròn, …) và nêu:  - GV chỉ vào tranh và nói: Có 1 bạn gái.  +Bước 2: Hướng dẫn HS nhận ra đặc điểm chung của các nhóm đồ vật có là có số lượng đều bằng 1.  - GV có thể nói: 1 con chim, 1 bạn gái, 1 chấm tròn…đều có số lượng bằng 1, ta dùng **số 1** để chỉ số lượng của mỗi nhóm đồ vật đó, số một viết bằng chữ số 1, viết như sau:  - GV viết lên bảng  - Đọc: Một  \* **Số 2, 3**: (Tương tự như giới thiệu số 1)  - Hướng dẫn HS chỉ vào hình vẽ các cột hình lập  phương (hoặc cột vuông) để đếm từ 1 đến 3 và từ 3 đến 1   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Thực hành**  **Bài 1**: Thực hành viết số:  - Thu 1 số bài – Nhận xét  **Bài 2**  - Tập cho HS nêu yêu cầu của bài tập (nhìn tranh viết số thích hợp vào ô trống)  - Nên tập cho các em nhận ra số lượng đối tượng trong mỗi hình vẽ.  - Nhận xét – tuyên dương.  **Bài 3**: Hướng dẫn HS nêu yêu cầu của bài tập theo từng cụm hình vẽ  - Treo bảng phụ BT3  - Bài yêu cầu gì?  - Nhận xét  **4. Củng cố - Dặn dò**  Trò chơi nhận biết số lượng:  - Giơ tấm bìa vẽ một (hoặc hai, ba) chấm tròn  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài luyện tập | - Hát  - Lên bảng làm  - Nhắc lại.  - Quan sát các nhóm chỉ có 1  - HS nhắc lại  + Quan sát chữ số 1 in, chữ số 1 viết, và chỉ vào từng chữ số và đọc: “một”  - Viết bảng con – đọc.    - Quan sát  - Viết số hoặc viết chấm tròn theo yêu cầu bài và đếm  + Một, hai, ba  +Ba, hai, một  - Làm bài  - Viết số hoặc vẽ số chấm tròn thích hợp  - Thi đua giơ các số tương ứng: 1 hoặc 2, 3 |

**Học vần**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh nhận biết được các âm, chữ e, b và các dấu thanh /, \, ?, ~, • Đọc được các tiếng từ ứng dụng có âm và dấu đã học. HS tô được e, b, bé và các dấu thanh, trả lời 2 -3 câu hỏi đơn giản về các bức tranh trong sách. HS luyện nói 1 câu theo chủ đề “bè” bức tranh trong SGK.

- Rèn cho HS hs đọc đúng, viết đẹp.

- HS thích học môn TV qua hoạt động đọc và viết.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Bảng ôn, Tranh minh hoạ, bảng phụ…

- Học sinh: Sách giáo khoa, bộ thực hành

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  -Viết dấu huyền, dấu ngã, bè, bẽ  - Đọc bài 5  - Nhận xét  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  Ghi tựa bài: ***Ôn tập***   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Ôn luyện các tiếng và dấu thanh đã học**  Gắn tiếng mẫu: **be**  - Cô có tiếng gì?  - Phân tích tiếng be?  - Gắn tranh mẫu 1   * Tranh vẽ gì? * Cô gắn tiếng gì dưới tranh? * Gắn vật mẫu * Đây là mẫu vật gì?   Bẹ lá: Em thường thấy ở thân cây chuối và cây dừa.   * Gắn tranh 3 * Tranh 3 các em đã nhìn thấy trong bài học nào? * Cô gắn tiếng gì dưới tranh? * Vì sao gắn tiếng bẻ? * Gắn tranh 4 * Tranh 4 vẽ gì? * Cô gắn tiếng bè dưới tranh * Bè là gì?   - Bè dùng để làm gì?  - Cô mời một bạn đọc các tiếng trên bảng  - Các tiếng em vừa đọc ôn có âm gì giống nhau? Có âm gì khác nhau?  - Dấu thanh khác nhau thì cách đọc như thế nào?  - Đọc các tiếng trên bảng  **\*Nhận xét vị trí dấu thanh**  -Viết các khung ô hàng trên: b, e, \, / , ~, .   * Có âm b, âm e muốn có tiếng be cô làm sao? * Cô mời 1 bạn ghi bảng * Ô 1 có dấu thanh không? * Tiếng be là 1 tiếng có thanh gì? * Nhìn vào các ô cho cô biết thanh /, \, ? , ~ thanh . được viết ở vị trí nào ? * Thanh nặng?   - Cô mời một bạn ghép các dấu thanh đã học vào tiếng be để tạo tiếng.  - Luyện đọc trơn các tiếng trong khung  **\*HOẠT ĐỘNG 2**  **Tìm tiếng từ ứng dụng.**  - Gắn mẫu tranh con dê.  - Con dê nó kêu như thế nào?  - Cô có từ be be.viết bảng  - Từ ứng dụng cô giới thiệu nữa đó là từ bè bè (viết bảng)  - Bè bè: Chỉ các đồ vật không gọn gàng.  - Những vật nho nhỏ xinh xinh người ta còn gọi là gì? (minh hình mẫu)  - Có từ be bé🡪 viết bảng  Đọc mẫu : ***e be be bè bè bé bé***   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Luyện viết bảng**  - Viết mẫu từng tiếng và hướng dẫn qui trình viết giống các tiếng đã học.  - Hỏi: Vị trí các dấu thanh?  **TIẾT 2**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Luyện đọc**   * Hướng dẫn thứ tự đọc * Tiếng mẫu, từ dưới tranh * Tiếng trong khung * Từ ứng dụng   Xem tranh : be bé   * Tranh vẽ gì?   Thế giới đồ chơi của trẻ em là sự thu nhỏ lại của thế giới có thực xung quanh các em như: đồ dùng, nhà cửa, thuyền bè   * Những mẫu vật trong tranh như thế nào? * Chỉnh sửa phát âm từ be bé. * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Luyện tô**  -Yêu cầu học sinh nêu tư thế ngồi viết.  -Hướng dẫn và nhắc lại qui trình tô các điểm cần lưu ý: Điểm đặt bút, lia bút, rê bút và kết thúc như thế nào?  - Nhận xét   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Luyện nói**  - Treo tranh: tranh vẽ gì?  - Ghi bảng:  **dê, dưa, dế, dừa, cỏ, vó, cọ, võ.**  - Các tiếng này mang dấu thanh gì?  - Đọc mẫu:  **\ / , ~ .**  - Cho hs đọc – đánh vần:  - Nhận xét – tuyên dương.  **4. Củng cố – Dặn dò**  - Chỉ bảng cho Hs đọc toàn bài  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Chuẩn bị bài **ê, v** | - Lớp hát  - Viết bảng con.  - 4, 5 em đọc.  - Tiếng be  - Có 2 âm: âm b đứng trước, âm e đứng sau.  - Vẽ bé  - Tiếng bé  - Bẹ lá  - Dấu ?  - Tiếng bẻ  - Tranh vẽ bác nông dân đang bẻ bắp.  - Vẽ bè  -Nhiều đoạn cây kết thành bè bè di chuyển trên sông nước.  - Đọc cá nhân.  - Có âm b và âm e giống nhau.  - Có dấu thanh khác nhau.  - Cách đọc khác nhau  - Đọc đồng thanh  - Ghép âm b và âm e  - Ghi bảng be và trả lời  - Không  - ………..thanh ngang  - Ở trên  - Ở dưới  - Thực hiện lần lượt 5 em, mỗi em 1 tiếng.  - Cá nhân đồng thanh  - Quan sát  - be be  - Luyện đọc cá nhân – đồng thanh  - Luyện đọc cá nhân – đồng thanh  - Thực hiện viết bảng con.  - Luyện đọc cá nhân – đồng thanh    -Hs trả lời  -Be bé  - Hs nêu  - Thực hiện tập tô ở vở.  - Quan sát trả lời.  - Vẽ: **dê, dưa, dế, dừa, cỏ, vó, cọ, võ.**  - Trả lời.  - Đọc – đánh vần: cá nhân, tổ, lớp  -Hs đọc bài. |

**Thứ năm, ngày 31 tháng 8 năm 2017**

**Toán**

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**-** Nhận biết được số lượng 1, 2, 3. Đọc, viết, đếm các số trong phạm vi 3

**-** Có kỹ năng nhận dạng được các số trong phạm vi 3. HS Làm được bài tập 1, 2. HSKG làm bài 3 trong SGK.

**-** Giáo dục học sinh yêu thích môn học

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Các nhóm đồ vật có số lượng 1, 2, 3 cùng loại

- Học sinh: SGK, vở bài tập, bảng con,

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  **-** Viết – Đọc các số: 1, 2, 3?  - Nhận xét  **3. BÀI MỚI**  **Giới thiệu bài**  - Giới thiệu: Hôm nay chúng ta sẽ củng cố lại các số từ 1 - 3 qua bài “Luyện tập”.   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Ôn kiến thức cũ**  - Yêu cầu HS viết lại: 1, 2, 3  - Số 2 gồm 1 và 1  (2 bông hoa gồm 1 bông hoa và 1 bông hoa)  + Vậy 3 gồm … và …?  Hay nói cách khác: 3 gồm 1 và 2  - Ngoài 2 cách nói trên, bạn nào có cách nào khác?  - Mời học sinh nêu lại 2, 3 gồm …? ……?   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Thực hành**  **Bài 1**  - Nêu yêu cầu của bài tập 1? Nhận biết số lượng bằng cách đếm số lượng rồi viết số thích hợp vào ô trống.  - Hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả, ai làm đúng cả bài tập 1 được các bạn hoan nghênh.  - Nêu hướng dẫn cách chữa bài: Chẳng hạn đọc: “Có hai hình vuông, viết số 2; có ba hình tam giác, viết số 3; có một cái nhà, viết số 1”, hoặc chỉ đọc hai, ba, một.  **Bài 2**: Điền số  - Nêu yêu cầu bài tập 2?  - Sau khi HS làm bài, GV gọi HS đọc từng dãy số (một, hai, ba; ba, hai, một)  \* **Bài 3**: (HSKG) bảng phụ  - Tương tự bài 1: Tập cho HS nêu yêu cầu của bài tập này.  - Hướng dẫn HS làm bài rồi chữa bài: Một nhóm có hai hình vuông (viết số 2), một nhóm có 1 hình vuông (viết số 1), cả hai nhóm có ba hình vuông (viết số 3).  - Tập cho HS chỉ vào từng nhóm hình vuông trên hình vẽ và nêu: “hai và một là ba”, “Một và hai là ba”  **4. Củng cố - Dặn dò**  Trò chơi: Tổ chức cho cả lớp chơi nhận biết số lượng  - Nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Chuẩn bị bài 8 “Các số 1, 2, 3, 4, 5” | - Hát  - Hs viết bảng con – Đọc.  - Viết bảng con  - Cá nhân, bàn, dãy, đồng thanh  - 1, 1, 1  - HS nhắc lại  - Gồm 2 và 1  - HS nêu  - Viết số.  - Cho HS đếm thầm nội dung bài tập 1  - HS làm bài  - Điền số.  - HS làm bài tập 2  - HS nêu yêu cầu của bài  - Làm bài  - Chữa bài  - Cho HS chỉ vào từng nhóm hình vuông trên hình vẽ và nêu: “hai và một là ba”, “Một và hai là ba”.  - Hs tham gia chơi: Nhận biết số lượng theo đồ vật cho trước nhận biết các số.  - HS đọc kết quả theo hàng. |

**Học vần**

**Ê - V**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh học được: ***ê, v, bê, ve*** tiếng từ và câu ứng dụng ***bé vẽ bê***. Viết được: ***ê, v, bê, ve.*** Luyện nói 1 câu theo chủ đề ***bế bé.***

- Hs đọc đúng, viết đẹp.

- HS yêu thích môn TV qua hoạt động đọc và viết.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Tranh minh hoạ từ khoá: bê, ve. Vật mẫu, tranh ảnh minh hoạ từ ứng dụng.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bộ thực hành, bảng con

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  **-**Viết: bè, bé, bẻ, bẽ  - Đọc bài 6  - Nhận xét  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  - Treo tranh: Tranh vẽ gì?  (Bê là con bò con)  - Ghi dưới tranh: bê, ve  - Trong tiếng bê và tiếng ve có âm nào  đã học rồi?  - Bài học hôm nay chúng ta học âm mới:  **ê – v**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Nhận diện chữ**  - **Nhận diện âm ê, v**  - GV viết bảng ê  + Âm ê có mấy nét?  + Âm ê giống âm nào đã học?  + So sánh âm e và ê ?  - Yêu cầu HS nhận diện âm ê trong bộ thực hành.   1. **Phát âm**   - GV đọc mẫu ê  + Cách phát âm giống âm e.  - Nhận xét, sửa sai.  + Có âm ê thêm âm b đứng trước ê được tiếng gì?  + Phân tích tiếng “bê”.  - Yêu cầu học sinh tìm và ghép tiếng bê trên bộ thực hành.  - Đọc mẫu: bờ \_ ê \_ bê  - Nhận xét, sửa sai.  **Dạy chữ ghi âm v, ve***(quy trình như âm ê)*   1. **Hướng dẫn viết**   - Đính mẫu:  - GV viết mẫu và nêu quy trình:  Lưu ý: Điểm đặt bút, điểm kết thúc và vị trí dấu thanh.  - Nhận xét, sửa sai   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Đọc tiếng, từ ứng dụng**  - GV yêu cầu HS tìm tiếng từ có ê , v  - Rút ra tiếng, từ ứng dụng  be , bề , bế  ve , vè , vẽ  - GV đọc mẫu  - Nhận xét, sửa sai.  **Tiết 2**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Luyện đọc**  - Treo tranh 3 hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Bé đang làm gì?  - Giới thiệu câu “bé vẽ bê”  - GV ghi câu ứng dụng  - Đọc mẫu  - Nhận xét – sửa sai   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Luyện viết**  - Gắn mẫu.  - Giáo viên viết mẫu và nêu qui trình viết như tiết 1  - Lưu ý: Khoảng cách, nối nét b \_ ê, v \_ e tư thế ngồi viết.  - Nhận xét, sửa sai   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Luyện nói**  - Treo tranh  -Tranh vẽ gì?  - Ghi bảng: **bế bé**  + Ai bế bạn khi còn bé?  + Vì sao lại mẹ bế?  + Biết ơn tấm lòng đó bạn phải làm gì?  **4. Củng cố – Dặn dò**  - Chỉ bảng cho Hs đọc toàn bài.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Chuẩn bị bài **l - h** | - Lớp hát  - Viết bảng con.  - 4, 5 em đọc.  - Vẽ con bê, con ve.  - Quan sát  - Am b và e.  - Nhắc lại.  - 2 nét  - Âm e  - Giống: nét thắt; khác : ê có dấu mũ  - Tìm 🡪 giơ lên  - Cá nhân, bàn, dãy, đồng thanh  - bê  - b đứng trước, e đứng sau.  - Học sinh thực hành ghép.  - cá nhân, bàn, dãy, đồng thanh  - Quan sát  - HS viết trên không, lên bàn.  - Viết bảng con  - HS thi đua tìm.  - Cá nhân, bàn, đồng thanh.  - Cá nhân, bàn dãy, đồng thanh.  -Vẽ bé  - Bé vẽ bê  - Cá nhân, bàn, dãy, đồng thanh.  - Quan sát mẫu  - Học sinh viết vở theo hướng dẫn của giáo viên.  - Quan sát trả lời.  - Vẽ: **mẹ đang bế bé**  - Nhắc lại.  - TLN theo chủ đề bế bé.  - Mẹ  - Mẹ thương yêu mình…  - Học tập tốt, ngoan….Không làm mẹ buồn.  - Đọc: cá nhân, tổ, lớp |

**Tự nhiên và xã hội**

**CHÚNG TA ĐANG LỚN (KNS)**

**I. MỤC TIÊU**

- Biết được sức lớn của em thể hiện ở chiều cao, cân nặng và sự hiểu biết

- Ý thức được sức lớn của mọi người là không hoàn toàn như nhau: có người cao hơn, có người thấp hơn, có người béo hơn … đó là điều bình thường. HS có kỹ năng tự nhận thức được về bản thân, có kỹ năng giao tiếp tự tin.

- HS có ý thức về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe để cô thể mau lớn.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Tranh phóng to, SGK

- Học sinh: SGK, vở bài tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  - Cơ thể của chúng ta gồm mấy phần? Là những bộ phận nào?  - Chỉ, kể các bộ phận của cơ thể?  - Nhận xét – tuyên dương.  **3. Bài mới**  ***a.* Khám phá**  - Các em quan sát bạn ngồi bên cạnh với cơ thể mình thấy thế nào?  - Cơ thể của chúng ta có phát triển giống nhau không?  - Để hiểu rõ hơn ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay…  **b. Kết nối**   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Quan sát tranh**  ***GV treo tranh***  + Tranh 1 vẽ gì? (GV yêu cầu HS chỉ và nêu từng tranh)  - GV chỉ tranh 2 hỏi:  + So với hình 1 em bé biết thêm điều gì?  \* Kết luận : Trẻ em sau khi ra đới sẽ lớn lên hằng ngày về cân nặng, chiều cao và các hoạt động vận động (biết lấy, bò, ngồi …) và sự hiểu biết (lạ, quen, nói …) các em mỗi năm cũng cao hơn, học được nhiều thứ hơn, trí tuệ phát triển hơn.  **c. Thực hành**   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Thực hành đo chiều cao**  - GV cho từng cặp đứng áp sát lưng vào nhau, đầu và gót chân chạm vào nhau.  - GV cho từng cặp xem tay ai dài hơn, vòng tay, đầu, ngực.  -> Qua phần thực hành các em thấy chúng ta tuy bằng tuổi nhau nhưng lớn lên như thế nào?  + Các em cần lưu ý điều gì cho sự lớn lên của bản thân?  =>Sự lớn lên của cơ thể có thể giống nhau hoặc khác nhau. Các em cần chú ý ăn, uống điều độ; giữ gìn sức khỏe …  ***\*Vẽ các bạn trong nhóm***  - Hướng dẫn HS vẽ.  - Bức vẽ của bạn nào được cả nhóm thích nhất sẽ được trưng bày trước lớp.  - Nhận xét  **d. Vận dụng**  + Trong lớp ta bạn nào bé nhất?  + Bạn nào cao nhất?  + Để cao lớn như bạn em cần lưu ý điều gì?  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị: Nhận biết các vật xung quanh. | - Lớp hát  - Gồm ba phần: Đầu, mình và chân tay.  - Lên bảng thực hiện.  - HS quan sát và trả lời  - Quan sát nhóm 4  - Em bé từ lúc nằm ngữa 🡪 đi 🡪 nói 🡪 biết chơi với bạn.  - Hs thực hành theo nhóm đôi.  - Không giống nhau.  - Ăn uống điều độ giữ gìn sức khỏe.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.  - HS thực hành vẽ về các bạn trong nhóm của mình.  -Vẽ hình dáng của 4 bạn trong nhóm trên cô sở các em đã thực hành đo và quan sát nhau  - Trưng bày sản phẩm.  - Bạn Đăng, Khôi.  - Bạn Đạt.  - Ăn uống điều độ giữ gìn sức khỏe. |

**Thứ sáu, ngày 1 tháng 9 năm 2017**

**Tập viết**

**CÁC NÉT CƠ BẢN**

**I. MỤC TIÊU**

- Tô được các nét cô bản.

- Rèn cho HS viết đúng, viết đẹp.

- Giáo dục HS tính kiên trì cẩn thận.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Mẫu các nét cô bản. Kẻ khung luyện viết

- Học sinh: Vở tập viết, bút chì

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  - Kiểm tra vở  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  - Gắn mẫu các nét cô bản.  - Yêu cầu học sinh đọc tên nét theo nhóm nét.  - Ghi tựa: Tô các nét cơ bản .   * **Hoạt động 1**   **Ôn viết bảng**  - Mục tiêu: Giúp học sinh nhớ lại qui trình viết các nét cơ bản.  - Phương pháp: Thực hành  - Viết mẫu từng nhóm nét.  - Nêu lại qui trình viết nét ở bài học một  Nhóm 1  Nhóm 2  Nhóm 3  Nhóm 4  - Nhận xét phần viết bảng   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Tô viết vào vở in**  - Yêu cầu học sinh nêu lại tư thế ngồi viết.  - Hướng dẫn học sinh viết từng hàng theo mẫu vở in.  **4. Củng cố - Dặn dò**  - Thu vở nhận xét.  - Nhận xét tiết học.  - Luyện viết tập ở nhà xem và phân tích các tên, các nhóm nét trong con chữ. | - Hát  - Nêu tên nét theo nhóm nét.  - Hình thức: học theo lớp  - Luyện viết bảng từng nhóm nét.  - Hình thức: Rèn luyện CN  - Tư thế ngồi viết  - Thực hiện theo viết theo hướng dẫn của cô. Cần rèn viết đúng mẫu, sạch, đẹp. |

**Tập viết**

**E, B, BÉ. BÉ VẼ BÊ**

**I/. MỤC TIÊU**

- Học sinh viết đúng các chữ: e, b, bé. Bé vẽ bê theo kiểu chữ viết thường, cỡ vừa theo vở tập viết 1, tâp một.

- Rèn HS viết đúng, viết đẹp

- Giáo dục tính kiên trì cẩn thận.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Giáo viên: Chữ mẫu, bảng phụ kẻ sẵn ô li.

- Học sinh: Vở tập viết, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Kiểm tra bài cũ**  - Nhận xét vở. Tuyên dương.  **3. Bài mới**  **Giới thiệu bài**  -Tiết học hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em viết: e, b, bé. bé vẽ bê  - Giáo viên ghi tựa.   * **HOẠT ĐỘNG 1**   **Quan sát và nhận xét chữ mẫu**  - Giới thiệu mẫu chữ luyện viết: **e, b**  - Chữ “**bé”** gồm mấy con chữ?  - Con chữ “**b**” cao mấy ô ly?  - Tương tự lần lượt giới thiệu: **bé vẽ bê**  - Lưu ý khoảng cách giữa các con chữ, cách 1con chữ o.   * **HOẠT ĐỘNG 2**   **Hướng dẫn cách viết**  - Gắn mẫu chữ.  - Viết mẫu dòng kẻ, nêu quy trình viết.  ***Lưu ý***: Nối nét giữa các con chữ.  **-** Nhận xét bảng, sửa chữ viết.   * **HOẠT ĐỘNG 3**   **Tập viết**  - Giáo viên hướng dẫn học sinh viết từng hàng theo hướng dẫn của giáo viên.  - Lưu ý: Tư thế ngồi, cầm bút, nối nét, điểm đặt bút, điểm kết thúc.  - Nhận xét.  **4. Củng cố - Dặn dò**  - Đọc lại các chữ vừa viết.  - Nêu tên từng con chữ cao 2 ô li, 5 ô li.  - Nhận xét  - Viết lại các chữ nhiều lần cho thành thạo.  - Chuẩn bị bài sau. | - Hát  - HS nhắc lại  - 2con chữ: b và e, dấu sắc  - 5 ô ly  - HS chú ý  - Học sinh quan sát  - Viết bảng con  - Viết vở in  - Học sinh đọc |

**SINH HOẠT TẬP THỂ**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG - TỔ CHỨC CHO HỌC SINH LAO ĐỘNG VỆ SINH**

**\*BĐKH**

**I/ MỤC TIÊU**

- Nhận xt hoạt động tuần 2, đề ra hoạt động tuần 3. HS biết giữ vệ sinh cá nhân,vệ sinh lớp học, biết được ý nghĩa của việc lao động vệ sinh, hạn chế xả rác.

- Giúp cho học sinh có thói quen tự học bài ở nhà và đi học đều và đúng giờ, mang đủ sách vở và ĐDHT khi đến lớp

- Có thái độ tự giác giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh lớp học, hạn chế xả rác.

\* Hs biết giữ vệ sinh môi trường là góp phần giúp giảm nhẹ BĐKH.

**II/ CHUẨN BỊ**

* Khăn lau, sọt rác.

**III/ CC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| * **Hoạt động 1: Nhận xt tuần 2**   - Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần  + Vệ sinh cá nhân và lớp thực hiện tốt.  + Đi học đều.  \* Ý kiến của học sinh  - Gv nhận xét: Học lực, hạnh kiểm, vệ sinh c nhn v vệ sinh trường lớp.  - Tuyên dương khuyến khích những học sinh làm tốt ……………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………….  - Nhắc nhở những em chưa ngoan……………  …………………………………………………..  ………………………………………………….   * **Hoạt động 2: Phương hướng hoạt động tuần 3**   - Nhắc học sinh học bài, đi học đều và đúng giờ, mang đủ sách vở và ĐDHT.  - Ăn mặc gọn gàng sạch sẽ.  - Nghe cô giảng bài.  - Không xả rác. Rửa chân tay sạch sẽ.  - Rèn chữ viết cho Hs.  - Có kế hoạch BD Hs giỏi, PĐ Hs yếu.  - Các nhóm duy trì tích cực việc kiểm tra đầu giờ.   * **Hoạt động 3: Tổ chức cho HS lao động vệ sinh.**   - Gv chia lớp thành 2 nhóm  + Nhóm 1: Lau bảng, lau bàn ghế, tưới cây.  + Nhóm 2: Nhặt rác trong và ngoài lớp học.  -Gv quan sát – nhắc nhở và giúp đỡ các em.  - Gv nhận xét  -Hỏi: *Muốn cho trường lơp luôn sạch đẹp thì em phải làm gì?*  \*Gv GD Hs biết giữ vệ sinh môi trường là góp phần giúp giảm nhẹ BĐKH. | - Lớp trưởng điều khiển: Hs báo cáo  - Hs lắng nghe  - Hs phát biểu  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe.  - Hs thực hiện  - Hs lắng nghe  - Hs trả lời: …không xả rác.  - Hs lắng nghe. |

***Soạn xong tuần 2***

|  |  |
| --- | --- |
| **Người soạn** | **Khối trưởng** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| Lê Thị Mỹ Diễm | Nguyễn Thị Thanh Tuyết |